TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2025/DS-ST
Ngày: 29-7- 2025
V/v*: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thu Hảo;

2. Ông Nguyễn Hùng Dũng;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 03/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q1 (V1);
Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S A, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V- Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo uỷ quyền 1: Ông Nguyễn Khánh H- Chức vụ: Tổng giám đốc THN Trực tiếp và X 2.
Người đại diện theo uỷ quyền 2: Bà Trần Thị Thu H1 - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Ngân hàng B.

Uỷ quyền lại:

1/ Anh Phan Văn Dũng E, sinh năm: 1989; (Vắng mặt)
2/ Anh Hứa Thế L, sinh năm 2000; (Vắng mặt)
3/ Anh Trần Văn Q, sinh năm 1994; (Có mặt)
Cùng địa chỉ: A N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Ông Trần Tuấn T, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Ấp H, phường S, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Q1 (V1); trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP Q1 (V1) đã ký với ông Trần Tuấn T các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 6783248.22 ngày 15/08/2022 với nội dung: V1 cho Ông Trần Tuấn T vay số tiền 6.700.000.000 đồng: Mục đích vay vốn: Bù đắp vốn tự có nhận chuyển nhượng bất động sản tại thửa đất 427, tờ bản đồ số 28, ấp A, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là phường B, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 10/09/2022, V1 đã giải ngân cho ông Trần Tuấn T theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6783248(2) 22 với số tiền 1.000.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Thời gian vay: 360 tháng, Lãi suất tại thời điểm giải ngân 10.1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.9%/năm. Ngày 12/09/2022, V1 đã giải ngân cho ông Trần Tuấn T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6783248(3) 22 với số tiền 5.700.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Thời gian vay: 360 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9.7%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.5%/năm.

Ngày trả lãi: Hàng tháng của các khế ước nhận nợ vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/10/2022.

Căn cứ Hợp đồng/Đơn phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 13/08/2022. VIB đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho ông Trần Tuấn T chi tiết số thẻ như sau:

Số thẻ 526887******4645: Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng,

S thẻ: 526887******7351: Hạn mức thẻ: 100,000.000 đồng,

Lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Tuấn T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết đã ký. Khoản vay đã quá hạn thanh toán kế từ ngày 09/01/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Tính đến ngày 29/7/2025, ông Trần Tuấn T đã thanh toán cho V1 số tiền là 215.471.624 đồng (trong đó gốc là 55.836.000 đồng, lãi là 159.635.624 đồng) và còn nợ VIB số tiền là 9.899.928.857 đồng (trong đó gốc là 6.848.600.588 đồng; lãi là 2.932.251.864 đồng; phí là 119.076.405 đồng.

Tại phiên toà nguyên đơn yêu cầu:

1/ Yêu cầu ông Trần Tuấn T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 số tiền tính đến ngày 29/7/2025 là 9.899.928.857 đồng (trong đó gốc là 6.848.600.588 đồng; lãi là 2.932.251.864 đồng; phí là 119.076.405 đồng.

2/ Ngân hàng được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn, phí kể phí kể từ ngày 30/7/2025 cho đến khi ông Trần Tuấn T1 Thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại đồng tín dụng, kế ước nhận nợ đã ký.

3/ Trường hợp ông Trần Tuấn T không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V1, đề nghị Toà án tuyên Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm. Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 28, đất toạ lạc tại ấp A, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là phường B, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào số cấp GCN: CS12694 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 25/07/2022, chuyển nhượng cho ông Trần Tuấn T ngày 12/08/2022. Tài sản này được thế chấp tại ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 5870, quyển số 12/2022TP/CC-SCC/HĐGD do phòng C, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng C1, tỉnh Đồng Tháp) công chứng ngày 16/08/2022 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho ngân hàng.

Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của ông Trần Tuấn T đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tải sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho ngân hàng.

4/ Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho ngân hàng.

* Bị đơn ông Trần Tuấn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc Ngân hàng khởi kiện. Toà án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án*:

+ Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại phường S, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay tín dụng. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên toà, đại diện Ngân hàng yêu cầu ông Trần Tuấn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi đến ngày 29/7/2025 theo các hợp đồng là 9.899.928.857 đồng (trong đó gốc là 6.848.600.588 đồng; lãi là 2.932.251.864 đồng; phí là 119.076.405 đồng và yêu cầu thanh toán lãi phát sinh từ ngày 30/7/2025 cho đến khi khách hàng thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về số tiền vay:

Xét thấy, giao dịch giữa các đương sự trong vụ án là có thật thể hiện qua các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 6783248.22 ngày 15/08/2022 với nội dung: V1 cho Ông Trần Tuấn T vay số tiền 6.700.000.000 đồng: Mục đích vay vốn: Bù đắp vốn tự có nhận chuyển nhượng bất động sản tại thửa đất 427, tờ bản đồ số 28, ấp A, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là phường B, tỉnh Đồng Tháp). Ngày 10/09/2022, V1 đã giải ngân cho ông Trần Tuấn T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6783248(2) 22 với số tiền 1.000.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Thời gian vay: 360 tháng, Lãi suất tại thời điểm giải ngân 10.1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.9%/năm. Ngày 12/09/2022, V1 đã giải ngân cho ông Trần Tuấn T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6783248(3) 22 với số tiền 5.700.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Thời gian vay: 360 tháng. Lãi

suất tại thời điểm giải ngân 9.7%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.5%/năm.

Ngày trả lãi: Hàng tháng của các khế ước nhận nợ vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/10/2022.

Căn cứ Hợp đồng/Đơn phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 13/08/2022. VIB đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho ông Trần Tuấn T chi tiết số thẻ như sau:

Số thẻ 526887******4645: Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng,

S thẻ: 526887******7351: Hạn mức thẻ: 100,000.000 đồng,

Lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Tuấn T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết đã ký. Khoản vay đã quá hạn thanh toán kế từ ngày 09/01/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Tính đến ngày 29/7/2025, ông Trần Tuấn T đã thanh toán cho V1 số tiền là 215.471.624 đồng (trong đó gốc là 55.836.000 đồng, lãi là 159.635.624 đồng) và còn nợ VIB số tiền tổng cộng theo các hợp đồng là 9.899.928.857 đồng (trong đó tiền gốc là 6.848.600.588 đồng; tiền lãi là 2.932.251.864 đồng; phí là 119.076.405 đồng. Ông T là người vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng nên phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là có căn cứ.

Bị đơn là ông Trần Tuấn T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ngân hàng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy ông T đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng, ông T có ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 5870, quyển số 12/2022TP/CC-SCC/HĐGD do phòng C, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng C1, tỉnh Đồng Tháp) công chứng ngày 16/08/2022. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 28, đất toạ lạc tại ấp A, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là phường B, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sán khác gắn liền với đất số vào số cấp giấy chứng nhận: CS12694 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 25/07/2022, chuyển nhượng cho ông Trần Tuấn T ngày 12/08/2022. Việc thế chấp và đăng ký bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Đến hạn trả tiền nếu ông T vi phạm thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo thi hành án trả nợ cho Ngân hàng. Nếu sau khi

xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ trả nợ thì ông T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ toàn bộ nên chấp nhận toàn bộ.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, đại diện nguyên đơn có nộp số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã thực hiện xong, việc khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí tố tụng mà cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là phù hợp với các Điều 155, 156, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 155, 156, 157; Điều 227, 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Q1.

Buộc ông Trần Tuấn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Q1 số tiền tính đến ngày 29/7/2025 là 9.899.928.857 đồng (trong đó gốc là 6.848.600.588 đồng; lãi là 2.932.251.864 đồng; phí là 119.076.405 đồng. Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/7/2025 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà

khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đến hạn trả tiền nếu ông Trần Tuấn T không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ thì Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Q1 có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 28, đất toạ lạc tại ấp A, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là phường B, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS12694 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 25/07/2022, chuyển nhượng cho ông Trần Tuấn T ngày 12/08/2022.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ trả nợ thì ông T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Tuấn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Q1 số tiền 2.000.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Ông Trần Tuấn T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 117.899.929 đồng.

- Hoàn lại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.400.000 đồng theo biên lai số 0001252 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng T2 - Đồng Tháp).

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Thị Thu Thảo